

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Tuấn K, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 14, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp X, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 14, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Tuấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Thu T tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh và chị T sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do không hợp, có nhiều khác biệt về quan điểm, không còn quan tâm, chia sẻ những khó khăn.

Nay anh xác định anh và chị T không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đinh Thị Thu T.

Từ năm 2017 đến nay, anh và chị T không còn sống cùng nhau và đã ly thân. Hiện nay, anh đang sinh sống tại ấp X, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. chị T cùng hai con đã chuyển về sinh sống tại Tổ 14, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Về con chung: Anh và chị T có 02 (hai) con chung tên Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/3/2001 (đã thành niên) và Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009. Hiện nay, hai con chung đang sinh sống cùng chị T nên ly hôn anh có nguyện vọng giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trước đây, anh có ý kiến cấp dưỡng 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng nay do cháu T2 đã thành niên nên anh cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Đinh Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tuấn K sống chung với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị và Kiệt sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách và không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh K đã tự hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2017 đến nay, chị và anh K đã ly thân và không còn sống cùng nhau, hiện nay chị cùng hai con đã chuyển về sinh sống tại Tổ 14, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, anh K thì sinh sống tại ấp X, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên đã ly thân và không còn sống cùng nhau. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh K có 02 (hai) con chung tên Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/3/2001 và Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009. Hiện nay, cháu T2 và cháu B đang sống cùng chị. Ly hôn, anh K có nguyện vọng giao cháu B cho chị nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng thì chị đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ anh K và chị T chung sống với nhau từ năm năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nên là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, không hạnh phúc, thường

xuyên cãi nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị T.

+ Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/3/2001 và Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009, anh K cấp dưỡng nuôi cháu B 3.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tuấn K và chị Đinh Thị Thu T chung sống với nhau vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Như vậy, anh K và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh K và chị T là vợ chồng.

[2] Về con chung: anh K và chị T có 02 con chung tên Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/3/2001 và Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T. cháu T2 đã thành niên, đối với cháu B chưa thành niên, khi ly hôn, anh K đồng ý giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 3.000.000 đồng, chị T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh K cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Đỗ Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 203 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đỗ Tuấn K và chị Đinh Thị Thu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/3/2001 (đã thành niên) và Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009.

Xử giao cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 26/11/2009 cho chị Đinh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh K cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng của anh K chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, anh K và chị T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đỗ Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005344 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. anh K còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Tuấn K, chị Đinh Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND thị trấn LT
(huyện LT, tỉnh Đồng Nai);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

